TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/KDTM-ST
Ngày: 07- 6- 2024
V/v "*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thanh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-KDTM ngày 28/02/2024 về việc "*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 89/2024/QĐST-KDTM ngày ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Công ty CP V

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà DITP Lô A2- 19 Nguyễn Tất Thành – Quận Liên Chiểu – Đà Nẵng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phúc T – Trưởng phòng bán hàng.

* *Bị đơn*: Công ty TNHH N

Địa chỉ : Thôn Hội Thành (Nhơn Phước), xã Nhơn Hội – TP Quy Nhơn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thạch T – Giám đốc

(Tại phiên toà đại diện Nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty CP V là Ông Đỗ Phúc T trình bày:*

Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty TNHH N) và Công ty Cổ phần V (gọi tắt là Công ty CP V) đã ký kết hợp đồng mua bán xi măng số 1293/HĐMB ngày 01/7/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH N đã mua xi măng với tổng giá trị là 132.750.000 đồng. Tính đến nay, số tiền mà Công ty TNHH N đã thanh toán cho Công ty CP V là 102.750.000 đồng và số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng. Công ty CP V đã làm việc trực tiếp yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán nợ quá hạn, tuy nhiên tính đến nay phía Công ty TNHH N vẫn không thanh toán.

Vì vậy, Công ty CP V yêu cầu Công ty TNHH N phải thanh toán cho Công ty CP V số tiền nợ xi măng còn lại là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng).* Đối với số tiền lãi chậm trả, Công ty CP V không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn Công ty TNHH N do ông Trần Thạch T Giám đốc làm đại diện theo pháp luật:* Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty CP V. Buộc Công ty TNHH N phải thanh toán số tiền 30.000.000 đồng còn nợ khi mua bán xi măng.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty CP V khởi kiện bị đơn Công ty TNHH N về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán.

Do tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại, các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 3 của Luật Thương mại.

Bị đơn Công ty TNHH N có địa chỉ tại Thôn Hội Thành (Nhơn Phước) Xã Nhơn Hội – Thành phố Quy Nhơn) nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đỗ Phúc T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty CP V có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu của các bên đương sự: Công ty CP V khởi kiện bị đơn Công ty TNHH N về yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán số tiền mua xi măng còn nợ là: 30.000.000 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ tháng 6/2023 và Bảng kê chi tiết công nợ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/11/2023.

[3.2] Xét nội dung Hợp đồng: Công ty CP V và Công ty TNHH N thỏa thuận Hợp đồng mua bán số 1239/HĐMB ngày 01/7/2017 với nhau về việc mua bán xi măng thương hiệu Vicem. Quá trình giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ đúng qui định pháp luật về hình thức và nội dung theo đúng quy định tại các điều 117, 119, Điều 401, 430 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, bị đơn Công ty TNHH N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP V như thỏa thuận. Tính đến tháng 6/2023, sau khi hai bên đã tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ: Số tiền Công ty TNHH N xác định còn nợ Công ty CP V là 30.000.000 đồng. Mặc dù Công ty CP V đã làm việc và yêu cầu thanh toán nợ quá hạn nhưng Công ty TNHH N vẫn không trả nợ cho Công ty CP V.

Xét thấy: Công ty TNHH N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán số tiền 30.000.000 đồng còn nợ là có căn cứ nên được chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ các điều 144, 147 Bộ luật Dân sự; Điều 3, Điều 7 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Công ty TNHH N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326.

- Công ty CP V được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 177, 179, 227, 228, 244, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 24, 50 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP V .

Buộc Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả cho Công ty CP V : 30.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)*.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1/ Công ty Công ty TNHH N phải chịu: 3.000.000 đồng.

2.2/ Nguyên đơn Công ty CP V không phải chịu án phí. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Công ty CP V số tiền 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000527 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4/ Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1/ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tài